

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2035

Thực hiện Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 01/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2035; Quyết định số 1991/QĐ-BGDĐT ngày 09/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2035 của ngành Giáo dục; Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 12/01/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội về thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 29/01/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về thực hiện Chương trình hành động số 05-CTr/TU;

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2035, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2035 phù hợp với điều kiện thực tiễn của Thủ đô; tạo chuyển biến rõ nét trong công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục, quản lý sức khỏe trẻ em mầm non, học sinh, học viên, sinh viên (sau đây gọi chung là người học) tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác y tế trường học; bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; tăng cường phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, dinh dưỡng hợp lý, hoạt động thể lực, chăm sóc sức khỏe tâm thần, phòng chống dịch bệnh, phòng chống tai nạn thương tích, bảo đảm an toàn thực phẩm trong trường học.

Tăng cường phối hợp giữa ngành Giáo dục và Đào tạo, ngành Y tế, các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các phường, xã, nhà trường, gia đình và cộng đồng trong quản lý, theo dõi, chăm sóc sức khỏe người học; từng bước ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, khai thác dữ liệu sức khỏe học đường phục vụ quản lý, cảnh báo sớm các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe người học.

2. Yêu cầu

Việc triển khai Kế hoạch phải bảo đảm đúng quy định của pháp luật, bám sát nhiệm vụ tại Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 01/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1991/QĐ-BGDĐT ngày 09/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các chương trình, kế hoạch có liên quan của Thành phố; xác định

rõ nhiệm vụ, rõ đầu mối, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ sản phẩm và phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hiện nay.

Các nhiệm vụ phải được triển khai đồng bộ, thiết thực, khả thi; ưu tiên các nội dung có tác động trực tiếp đến sức khỏe người học như nhân lực y tế trường học, khám sức khỏe định kỳ, dinh dưỡng học đường, nước sạch, vệ sinh trường học, an toàn thực phẩm, sức khỏe tâm thần, phòng chống dịch bệnh và chuyển đổi số trong quản lý sức khỏe học đường.

Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở giáo dục, cơ sở y tế, gia đình và cộng đồng; huy động hợp lý các nguồn lực xã hội, không làm phát sinh các khoản thu trái quy định, không gây áp lực cho người học, cha mẹ người học và cơ sở giáo dục.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng

Người học đang học tập tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên y tế trường học, nhân viên tư vấn học đường, nhân viên phụ trách công tác xã hội trường học, nhân viên nuôi dưỡng, người trực tiếp tham gia công tác chăm sóc, giáo dục, quản lý sức khỏe người học tại các cơ sở giáo dục.

Các sở, ban, ngành Thành phố; Ủy ban nhân dân các phường, xã; các cơ sở giáo dục, cơ sở y tế và các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác sức khỏe học đường.

2. Phạm vi

Kế hoạch được triển khai tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học và các cơ sở giáo dục khác trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định, theo thẩm quyền quản lý của Thành phố và theo phân công, phân cấp quản lý. Đối với cơ sở giáo dục ngoài công lập hoặc cơ sở giáo dục không thuộc phạm vi quản lý trực tiếp của Thành phố, việc triển khai thực hiện theo nguyên tắc phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật, không giao nhiệm vụ vượt thẩm quyền.

3. Thời gian thực hiện

Giai đoạn 2026-2030: tập trung rà soát hiện trạng công tác sức khỏe học đường; hoàn thiện cơ chế phối hợp, hướng dẫn triển khai, biểu mẫu báo cáo; ưu tiên bố trí, kiện toàn nhân lực y tế trường học; sửa chữa, nâng cấp phòng y tế, bổ sung thuốc thiết yếu, trang thiết bị phục vụ sơ cấp cứu, chăm sóc sức khỏe ban đầu; cải thiện điều kiện nước sạch, nước uống, công trình vệ sinh, vệ sinh trường học; tổ chức khám sức khỏe định kỳ, theo dõi tình trạng dinh dưỡng, thể lực, sức khỏe tâm thần của người học; triển khai mô hình điểm về trường học nâng cao sức khỏe, bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử; từng bước ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý sức khỏe

học đường.

Giai đoạn 2031-2035: duy trì, củng cố, nâng cao chất lượng các chỉ tiêu đã đạt được trong giai đoạn 2026-2030; nhân rộng các mô hình hiệu quả; hoàn thiện kết nối, cập nhật, khai thác dữ liệu sức khỏe học đường; tiếp tục đầu tư, nâng cấp điều kiện bảo đảm sức khỏe học đường phù hợp với yêu cầu phát triển của Thành phố; tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng kết Chương trình và đề xuất nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn tiếp theo.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác sức khỏe học đường trên địa bàn thành phố Hà Nội; bảo đảm người học được học tập, rèn luyện trong môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện; được chăm sóc sức khỏe ban đầu, theo dõi sức khỏe, tư vấn dinh dưỡng, vận động thể lực, chăm sóc sức khỏe tâm thần và phòng chống bệnh tật phù hợp với lứa tuổi, cấp học.

Phấn đấu đến năm 2035, hệ thống sức khỏe học đường của Thành phố được tổ chức đồng bộ, hiệu quả; 100% cơ sở giáo dục thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ cơ bản về y tế trường học, quản lý sức khỏe người học, bảo đảm an toàn thực phẩm, vệ sinh trường học, phòng chống dịch bệnh, giáo dục sức khỏe và chuyển đổi số trong quản lý sức khỏe học đường.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

Phấn đấu đạt hoặc vượt các chỉ tiêu cơ bản của Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; trong đó tập trung các chỉ tiêu chủ yếu về nhân lực y tế trường học, phòng y tế, nước sạch, công trình vệ sinh, an toàn thực phẩm, theo dõi dinh dưỡng, khám sức khỏe định kỳ và truyền thông giáo dục sức khỏe.

100% cơ sở giáo dục có đầu mối phụ trách công tác y tế trường học theo quy định; phấn đấu đến năm 2030, có ít nhất 60% cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập có nhân viên y tế trường học chuyên trách bảo đảm trình độ chuyên môn theo quy định.

100% cơ sở giáo dục thực hiện quản lý, cập nhật, báo cáo dữ liệu sức khỏe học đường theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; từng bước hình thành hồ sơ sức khỏe điện tử của người học, kết nối, liên thông với Sổ sức khỏe điện tử và các cơ sở dữ liệu có liên quan theo quy định, bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu cá nhân của người học.

100% cơ sở giáo dục có phòng y tế riêng đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu; có đủ thuốc, trang thiết bị y tế thiết yếu theo quy định.

100% cơ sở giáo dục có đủ nước uống, nước sinh hoạt bảo đảm chất lượng; có công trình vệ sinh đáp ứng nhu cầu của người học, chú trọng điều kiện tiếp cận đối với người học khuyết tật.

100% cơ sở giáo dục có tổ chức bữa ăn học đường thực hiện đúng quy

định về an toàn thực phẩm, dinh dưỡng hợp lý, công khai, minh bạch, phù hợp với độ tuổi, cấp học và điều kiện thực tế.

100% cơ sở giáo dục tổ chức truyền thông, giáo dục sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, dinh dưỡng học đường, sức khỏe tâm thần, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống thuốc lá, rượu bia, chất gây nghiện và các nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe người học.

100% cơ sở giáo dục mầm non thực hiện theo dõi sự phát triển thể chất, tình trạng dinh dưỡng, vận động, sức khỏe tâm thần, tâm lý lứa tuổi của trẻ em theo quy định; phối hợp với gia đình và cơ sở y tế phát hiện sớm các dấu hiệu suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì, rối loạn phát triển, chậm phát triển vận động, ngôn ngữ, hành vi và các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe, an toàn của trẻ.

100% người học được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc tối thiểu 01 lần/năm học theo quy định; thông tin sức khỏe được quản lý, cập nhật, theo dõi, từng bước liên thông với Sổ sức khỏe điện tử và các cơ sở dữ liệu có liên quan theo quy định.

100% cơ sở giáo dục có tổ chức theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng, thể lực, sức khỏe tâm thần và các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe người học; kịp thời phối hợp với gia đình, cơ sở y tế để tư vấn, can thiệp, hỗ trợ khi cần thiết.

3. Mục tiêu đến năm 2035

Duy trì bền vững các chỉ tiêu đã đạt được trong giai đoạn 2026-2030; nâng cao chất lượng công tác y tế trường học, dinh dưỡng học đường, vệ sinh trường học, an toàn thực phẩm, hoạt động thể lực và chăm sóc sức khỏe tâm thần cho người học.

Hình thành hệ thống quản lý sức khỏe học đường có dữ liệu số đồng bộ, an toàn, bảo mật; phục vụ theo dõi sức khỏe, cảnh báo sớm nguy cơ, hỗ trợ điều hành, kiểm tra, giám sát và hoạch định chính sách về sức khỏe học đường trên địa bàn Thành phố.

Nhân rộng các mô hình trường học nâng cao sức khỏe, y tế trường học thân thiện, bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, mô hình phối hợp giữa phường, xã - nhà trường - gia đình - cơ sở y tế trong chăm sóc sức khỏe người học.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách và hướng dẫn triển khai về sức khỏe học đường

Tổ chức rà soát hệ thống văn bản, quy định, hướng dẫn hiện hành về công tác y tế trường học, chăm sóc sức khỏe người học, khám sức khỏe định kỳ, dinh dưỡng học đường, an toàn thực phẩm, nước sạch, vệ sinh trường học, sức khỏe tâm thần, phòng chống dịch bệnh, phòng chống tai nạn thương tích và chuyển đổi số trong quản lý sức khỏe học đường.

Ban hành hoặc chỉ đạo ban hành các văn bản triển khai, hướng dẫn phù hợp với điều kiện thực tiễn của Thành phố; bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện tại các cơ sở giáo dục, Ủy ban nhân dân các phường, xã và các đơn vị liên quan.

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Tài chính, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các phường, xã, cơ sở giáo dục, cơ sở y tế và các đơn vị liên quan trong thực hiện Chương trình; bảo đảm rõ đầu mối, rõ trách nhiệm, tránh chồng chéo, hình thức.

2. Bảo đảm nhân lực làm công tác y tế trường học

Rà soát hiện trạng nhân lực y tế trường học tại các cơ sở giáo dục; đánh giá số lượng, trình độ chuyên môn, vị trí việc làm, hình thức bố trí nhân lực, nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu bổ sung nhân lực trong từng giai đoạn.

Sắp xếp, bố trí nhân lực y tế trường học chuyên trách theo vị trí việc làm, số lượng người làm việc, định mức và hình thức sử dụng nhân lực được pháp luật quy định; ưu tiên các cơ sở giáo dục có quy mô lớn, cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, cơ sở giáo dục có tổ chức bữa ăn bán trú, cơ sở giáo dục có nhiều người học khuyết tật và cơ sở giáo dục có nguy cơ cao về dịch bệnh, an toàn thực phẩm, tai nạn thương tích. Việc tuyển dụng viên chức, ký hợp đồng lao động hoặc hợp đồng cung ứng dịch vụ y tế thực hiện khi đáp ứng đầy đủ điều kiện, đúng thẩm quyền, trong tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao và phù hợp khả năng cân đối nguồn lực. Trước khi có quy định mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo về vị trí việc làm, định mức số người làm việc đối với nhân viên y tế trường học, các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định hiện hành. Sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Y tế và các đơn vị liên quan rà soát, cập nhật phương án, lộ trình bố trí nhân lực y tế trường học, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

Trường học chưa bố trí được nhân viên y tế trường học theo quy định, cơ sở giáo dục chủ động phối hợp với trạm y tế phường, xã, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện hoặc đơn vị cung ứng dịch vụ y tế theo quy định để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu, phòng chống dịch bệnh, khám sức khỏe định kỳ, tư vấn sức khỏe người học.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn thường xuyên cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên y tế trường học, nhân viên nuôi dưỡng, nhân viên phụ trách công tác tư vấn tâm lý, công tác xã hội trường học về y tế học đường, dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, sơ cấp cứu, phòng chống dịch bệnh, sức khỏe tâm thần, phòng chống tai nạn thương tích và kỹ năng phối hợp với gia đình người học.

3. Bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ sức khỏe học đường

Rà soát, sắp xếp, sửa chữa, nâng cấp phòng y tế, hồ sơ sức khỏe, thuốc thiết yếu, trang thiết bị phục vụ công tác sơ cấp cứu và chăm sóc sức khỏe ban

đầu tại các cơ sở giáo dục.

Ưu tiên đầu tư, cải tạo, nâng cấp điều kiện vệ sinh trường học, ánh sáng phòng học, bàn ghế, hệ thống nước sạch, nước uống, công trình vệ sinh, khu rửa tay, sân chơi, bãi tập, khu vực bếp ăn, nhà ăn, kho bảo quản thực phẩm và các điều kiện học tập an toàn, bảo đảm đủ số lượng, chất lượng, đáp ứng nhu cầu của người học, nhất là người học khuyết tật và người học là nữ.

Thực hiện rà soát định kỳ, kịp thời khắc phục các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến thị lực, cột sống, hô hấp, sức khỏe tâm thần và sự phát triển thể chất của người học; hoàn thành việc rà soát các điều kiện bảo đảm sức khỏe, an toàn trường học trước ngày 15/8 hằng năm để chuẩn bị năm học mới.

4. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh và quản lý sức khỏe người học

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc tối thiểu 01 lần/năm học cho người học theo quy định; thực hiện phân loại, theo dõi, tư vấn, thông báo kết quả phù hợp đến cha mẹ người học, người giám hộ và phối hợp với cơ sở y tế để can thiệp khi cần thiết.

Đối với giáo dục mầm non, tăng cường theo dõi biểu đồ tăng trưởng, tình trạng dinh dưỡng, phát triển vận động, phát triển ngôn ngữ, hành vi, tâm lý lứa tuổi; phối hợp với cha mẹ trẻ em và cơ sở y tế để tư vấn, sàng lọc, phát hiện sớm, can thiệp kịp thời đối với trẻ có nguy cơ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì, rối loạn phát triển, rối loạn sức khỏe tâm thần hoặc các vấn đề sức khỏe khác cần theo dõi.

Tăng cường phòng, chống dịch bệnh trong trường học; chủ động giám sát, phát hiện sớm, xử lý kịp thời các ổ dịch, ca bệnh truyền nhiễm trong trường học; triển khai hiệu quả các hoạt động phòng, chống bệnh học đường, bệnh không lây nhiễm, suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì, rối loạn sức khỏe tâm thần, rối loạn phát triển, tai nạn thương tích và các nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe người học.

Triển khai theo dõi tình trạng dinh dưỡng, thể lực, tầm vóc người học; hướng dẫn chế độ ăn, vận động, nghỉ ngơi hợp lý; phòng chống thừa cân, béo phì, suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng, cong vẹo cột sống, cận thị học đường và các vấn đề sức khỏe phổ biến trong lứa tuổi người học.

Tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe tâm thần, tư vấn tâm lý, công tác xã hội trường học; phát hiện sớm người học có biểu hiện căng thẳng, lo âu, trầm cảm, bạo lực học đường, xâm hại, nghiện trò chơi điện tử, sử dụng thuốc lá điện tử, chất gây nghiện hoặc các hành vi nguy cơ khác để phối hợp hỗ trợ, can thiệp phù hợp.

5. Bảo đảm dinh dưỡng học đường, an toàn thực phẩm và bữa ăn học đường

Tăng cường quản lý bữa ăn học đường theo hướng bảo đảm an toàn thực phẩm, cân đối dinh dưỡng, phù hợp lứa tuổi, điều kiện sức khỏe, vùng miền, văn hóa ăn uống và điều kiện thực tế của từng cơ sở giáo dục. Đối với nhóm trẻ, lớp

mẫu giáo độc lập tự thực và các cơ sở giáo dục có quy mô nhỏ, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn thực đơn mẫu, khẩu phần tham khảo phù hợp với lứa tuổi, điều kiện thực tế và quy định về dinh dưỡng, an toàn thực phẩm để các cơ sở giáo dục tham khảo, vận dụng. Việc sử dụng thực đơn mẫu không thay thế trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong bảo đảm an toàn thực phẩm, chất lượng bữa ăn, công khai thực đơn, nguồn gốc thực phẩm và phối hợp giám sát với cha mẹ trẻ em.

Thực hiện nghiêm quy trình lựa chọn, ký kết, giám sát đơn vị cung cấp thực phẩm, suất ăn, nguyên liệu, nước uống; bảo đảm truy xuất nguồn gốc, kiểm thực ba bước, lưu mẫu thức ăn, vệ sinh khu vực chế biến, nhà ăn, kho bảo quản, phương tiện vận chuyển và người trực tiếp tham gia chế biến, phục vụ bữa ăn.

Khuyến khích các cơ sở giáo dục ứng dụng phần mềm phân tích khẩu phần, xây dựng thực đơn, theo dõi năng lượng, chất dinh dưỡng, cảnh báo nguy cơ mất cân đối dinh dưỡng; từng bước kết nối dữ liệu dinh dưỡng học đường với hồ sơ sức khỏe người học theo quy định.

Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ người học, cơ sở y tế và đơn vị cung cấp dịch vụ trong giám sát bữa ăn học đường; thực hiện công khai, minh bạch thực đơn, nguồn gốc thực phẩm, định lượng suất ăn, giá dịch vụ và kết quả kiểm tra, giám sát theo quy định.

6. Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục sức khỏe và xây dựng mô hình điểm

Đổi mới nội dung, hình thức truyền thông, giáo dục sức khỏe trong trường học; lồng ghép phù hợp trong chương trình giáo dục, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt lớp, sinh hoạt Đoàn, Đội, hoạt động ngoại khóa và phối hợp với gia đình người học.

Tập trung truyền thông về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, dinh dưỡng hợp lý, hoạt động thể lực, phòng chống dịch bệnh, sức khỏe tâm thần, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống đuối nước, phòng chống tác hại của thuốc lá, thuốc lá điện tử, rượu bia, chất gây nghiện, an toàn thực phẩm, an toàn giao thông, sức khỏe sinh sản vị thành niên và kỹ năng tự bảo vệ bản thân.

Xây dựng và nhân rộng các mô hình: “Trường học nâng cao sức khỏe”, “Y tế trường học thân thiện”, “Bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý”, “Phường, xã - Nhà trường - Gia đình vì sức khỏe người học”; lựa chọn một số cơ sở giáo dục đại diện các cấp học, loại hình trường học để triển khai điểm, đánh giá, rút kinh nghiệm trước khi nhân rộng.

7. Ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý sức khỏe học đường

Xây dựng, hoàn thiện hồ sơ sức khỏe điện tử của người học; từng bước kết nối, liên thông dữ liệu sức khỏe học đường với Sở sức khỏe điện tử, cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo, cơ sở dữ liệu y tế và các cơ sở dữ liệu có liên quan theo quy định. Việc cập nhật, quản lý, khai thác dữ liệu phải bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư của người học.

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các công cụ hỗ trợ phân tích dữ liệu để cảnh báo sớm nguy cơ về dinh dưỡng, thể lực, sức khỏe tâm thần, bệnh học đường, dịch bệnh, an toàn thực phẩm; phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý.

Số hóa tài liệu truyền thông, giáo dục sức khỏe; xây dựng kho học liệu, video, tờ rơi điện tử, bộ câu hỏi, hướng dẫn tự chăm sóc sức khỏe, hướng dẫn cha mẹ người học phối hợp chăm sóc sức khỏe con em tại gia đình.

Việc lựa chọn, thẩm định, triển khai các giải pháp công nghệ, phần mềm, công cụ phân tích dữ liệu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ quản lý sức khỏe học đường phải bảo đảm phù hợp với quy định về chuyển đổi số, an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu cá nhân và khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa ngành Giáo dục và Đào tạo, ngành Y tế và các cơ sở dữ liệu có liên quan. Việc triển khai hệ thống dữ liệu sức khỏe học đường thực hiện theo lộ trình thống nhất của Thành phố, bảo đảm đồng bộ, liên thông, tránh chồng chéo, trùng lặp, không phát sinh nhiều phần mềm, nhiều hệ thống báo cáo tại cơ sở giáo dục.

8. Tăng cường phối hợp, kiểm tra, giám sát và huy động nguồn lực xã hội

Thiết lập cơ chế phối hợp thường xuyên giữa cơ quan quản lý giáo dục, y tế, tài chính, văn hóa - thể thao, khoa học - công nghệ, Ủy ban nhân dân phường, xã, cơ sở giáo dục, trạm y tế, cha mẹ người học và các tổ chức liên quan trong thực hiện nhiệm vụ sức khỏe học đường.

Tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất đối với công tác y tế trường học, an toàn thực phẩm, vệ sinh trường học, nước sạch, công trình vệ sinh, khám sức khỏe người học, dinh dưỡng học đường, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe tâm thần và hoạt động thể lực trong trường học. Hằng năm, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình; tập trung vào các nội dung về y tế trường học, khám sức khỏe định kỳ, an toàn thực phẩm, dinh dưỡng học đường, nước sạch, vệ sinh trường học, hoạt động thể lực, chăm sóc sức khỏe tâm thần, chuyển đổi số và việc thực hiện các chỉ tiêu của Kế hoạch. Ủy ban nhân dân các phường, xã tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh tồn tại, hạn chế, xử lý hoặc kiến nghị xử lý vi phạm theo thẩm quyền. Kết quả kiểm tra, giám sát là căn cứ để đánh giá kết quả thực hiện hằng năm, sơ kết, tổng kết Chương trình.

Kịp thời biểu dương, nhân rộng mô hình tốt, cách làm hiệu quả; đồng thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm các cơ sở giáo dục, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về an toàn thực phẩm, vệ sinh trường học, chăm sóc sức khỏe người học, quản lý dữ liệu sức khỏe hoặc để xảy ra sự cố ảnh hưởng đến sức khỏe, an toàn của người học.

Huy động nguồn lực xã hội hợp pháp để hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị, truyền thông, khám sàng lọc, tư vấn sức khỏe, dinh dưỡng, thể lực, sức khỏe tâm thần cho người học; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định, không

thương mại hóa hoạt động giáo dục và chăm sóc sức khỏe người học.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, bao gồm chi đầu tư, chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục, y tế hằng năm; lồng ghép trong các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan của Thành phố; nguồn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, các chương trình mục tiêu quốc gia nếu có; nguồn viện trợ, tài trợ, xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

Các đơn vị được giao dự toán kinh phí có trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí bảo đảm đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan; thực hiện công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai Kế hoạch; hướng dẫn các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2035 phù hợp với từng cấp học, loại hình cơ sở giáo dục.

Chủ trì phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan rà soát hiện trạng công tác y tế trường học; tổng hợp nhu cầu nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, đào tạo, bồi dưỡng, phần mềm, dữ liệu sức khỏe người học; đề xuất giải pháp triển khai phù hợp theo từng giai đoạn. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về y tế trường học, chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu, phòng chống dịch bệnh, dinh dưỡng học đường, an toàn thực phẩm, sức khỏe tâm thần, tư vấn học đường cho cán bộ quản lý, nhân viên y tế trường học, nhân viên tư vấn học đường và các lực lượng liên quan.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe người học, khám sức khỏe định kỳ, quản lý hồ sơ sức khỏe, dinh dưỡng học đường, an toàn thực phẩm, vệ sinh trường học, nước sạch, nhà vệ sinh, hoạt động thể lực, chăm sóc sức khỏe tâm thần, phòng chống dịch bệnh, phòng chống tai nạn thương tích.

Chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch; định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định; kịp thời đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Sở Y tế

Chủ trì hướng dẫn chuyên môn về y tế trường học, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc, phòng chống dịch bệnh, tiêm chủng, dinh dưỡng, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, sức khỏe tâm thần, sơ cấp cứu và quản lý sức khỏe người học.

Chỉ đạo các cơ sở y tế, trạm y tế phường, xã phối hợp với cơ sở giáo dục trong chăm sóc sức khỏe người học, phòng chống dịch bệnh, khám sức khỏe định kỳ, tư vấn, chuyển tuyến, can thiệp đối với người học có vấn đề sức khỏe cần theo dõi.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên y tế trường học, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nuôi dưỡng và các lực lượng liên quan. Cử báo cáo viên, chuyên gia tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về y tế trường học.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách Thành phố.

Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch bảo đảm đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch.

4. Sở Văn hóa và Thể thao

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao trường học; phát triển phong trào rèn luyện thân thể, nâng cao thể lực, tầm vóc người học; phòng chống đuối nước, tai nạn thương tích trong hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí.

Phối hợp xây dựng, nhân rộng các mô hình hoạt động thể lực phù hợp theo lứa tuổi, cấp học, điều kiện cơ sở vật chất và đặc điểm sức khỏe của học sinh Thủ đô.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế hướng dẫn việc ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu trong quản lý sức khỏe học đường.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, lựa chọn, thẩm định, triển khai các giải pháp công nghệ, phần mềm, công cụ phân tích dữ liệu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ quản lý sức khỏe người học, dinh dưỡng học đường, cảnh báo nguy cơ sức khỏe, kết nối dữ liệu theo quy định.

6. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát hiện trạng vị trí việc làm, số lượng người làm việc và hình thức sử dụng nhân lực y tế trường học tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc Thành phố quản lý.

Tham gia ý kiến, thẩm định hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền theo phân

công, phân cấp đối với đề án vị trí việc làm, số lượng người làm việc và phương án bố trí nhân lực y tế trường học, bảo đảm phù hợp quy định của pháp luật, tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao và khả năng cân đối nguồn lực.

Phối hợp tham mưu giải pháp kiện toàn đội ngũ nhân viên y tế trường học; rà soát, cập nhật phương án sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung quy định về vị trí việc làm, định mức số người làm việc đối với nhân viên y tế trường học.

7. Ủy ban nhân dân các phường, xã

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sức khỏe học đường; huy động sự tham gia của trạm y tế, các tổ chức chính trị - xã hội, cha mẹ người học và cộng đồng trong chăm sóc sức khỏe người học.

Chỉ đạo trạm y tế phường, xã phối hợp với các cơ sở giáo dục trên địa bàn theo cơ chế, nội dung hướng dẫn của Sở Y tế và Sở Giáo dục và Đào tạo; không để phát sinh khoảng trống trách nhiệm trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch bệnh, sơ cấp cứu và xử lý tình huống liên quan đến sức khỏe người học.

Rà soát điều kiện bảo đảm y tế trường học, nước sạch, vệ sinh, an toàn thực phẩm, cơ sở vật chất, nhân lực y tế, phòng chống dịch bệnh tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn; kịp thời hỗ trợ, kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết khó khăn, vướng mắc.

Tổ chức kiểm tra, giám sát công tác y tế trường học, an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, nước sạch, nhà vệ sinh, phòng chống dịch bệnh và các điều kiện bảo đảm sức khỏe người học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn theo quy định.

Chủ động cân đối, bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch theo phân cấp ngân sách hiện hành; quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí bảo đảm đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

Định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

8. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố

Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường hằng năm và theo giai đoạn; phân công rõ trách nhiệm của người đứng đầu, nhân viên y tế trường học, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên giáo dục thể chất, nhân viên nuôi dưỡng, nhân viên tư vấn học đường và các bộ phận liên quan.

Thực hiện nghiêm quy định về chăm sóc sức khỏe người học, khám sức khỏe định kỳ, quản lý hồ sơ sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn thực phẩm, dinh dưỡng học đường, nước sạch, vệ sinh trường học, hoạt động thể lực, chăm sóc sức khỏe tâm thần, phòng chống tai nạn thương tích.

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ người học, trạm y tế phường, xã, cơ sở y tế và các đơn vị liên quan trong theo dõi, tư vấn, chăm sóc sức khỏe người học; kịp

thời thông tin, hỗ trợ, can thiệp đối với người học có vấn đề sức khỏe, tâm lý, dinh dưỡng, thể lực hoặc nguy cơ mất an toàn.

Thực hiện công khai, minh bạch các nội dung liên quan đến bữa ăn học đường, chăm sóc sức khỏe người học, hoạt động y tế trường học, sử dụng nguồn lực xã hội hóa và các khoản thu theo quy định.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội

Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, cha mẹ người học và Nhân dân tham gia giám sát, hỗ trợ, đồng hành cùng nhà trường trong chăm sóc sức khỏe người học, bảo đảm an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện.

VII. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các phường, xã và các đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ trước ngày 15/11 hằng năm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2035. Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu các sở, ngành, UBND các phường, xã và các đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp triển khai, giám sát theo quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Y tế;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- UBND các phường, xã;
- Các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố;
- VPUBND Thành phố: CVP, các PCVP, KGVX, TH;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Thu Hà

PHỤ LỤC

**DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH SỨC KHỎE HỌC ĐƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2026 - 2035**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Tiến độ/Thời gian thực hiện
1	Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2035.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Y tế; Sở Tài chính; Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân các phường, xã; các đơn vị liên quan.	Năm 2026
2	Hướng dẫn các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình Sức khỏe học đường hằng năm và theo giai đoạn, phù hợp với từng cấp học, loại hình cơ sở giáo dục.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Y tế; Ủy ban nhân dân các phường, xã; các cơ sở giáo dục.	Năm 2026 và hằng năm
3	Rà soát hiện trạng công tác sức khỏe học đường, nhân lực y tế trường học, phòng y tế, trang thiết bị, thuốc thiết yếu, nước sạch, nhà vệ sinh, điều kiện vệ sinh trường học tại các cơ sở giáo dục.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Y tế; Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân các phường, xã; các cơ sở giáo dục.	Năm 2026; cập nhật hằng năm
4	Rà soát, tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện Chương trình; tham mưu bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách, lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan.	Sở Tài chính	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; Ủy ban nhân dân các phường, xã; các đơn vị liên quan.	Hằng năm

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Tiến độ/Thời gian thực hiện
5	Rà soát, phân loại các cơ sở giáo dục theo loại hình công lập, ngoài công lập; cấp học, bậc học; cơ sở có tổ chức bữa ăn bán trú, cơ sở giáo dục chuyên biệt, cơ sở có nhiều người học khuyết tật và cơ sở có nguy cơ cao về dịch bệnh, an toàn thực phẩm, tai nạn thương tích; xác định hiện trạng, nhu cầu, tiêu chuẩn chuyên môn, hình thức sử dụng nhân lực và nguồn kinh phí; xây dựng báo cáo, phương án, lộ trình bố trí nhân lực y tế trường học giai đoạn 2026-2030 theo quy định.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Y tế; Sở Nội vụ; Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân các phường, xã.	Năm 2026 - 2027; cập nhật hằng năm
6	Hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với trạm y tế phường, xã, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện hoặc đơn vị cung ứng dịch vụ y tế; phân định rõ nhiệm vụ hỗ trợ chuyên môn và trách nhiệm tổ chức thực hiện thường xuyên tại cơ sở giáo dục.	Sở Y tế	Sở Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân các phường, xã; các cơ sở giáo dục; cơ sở y tế liên quan.	Năm 2026 và hằng năm
7	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về y tế trường học, sơ cấp cứu, phòng chống dịch bệnh, dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, sức khỏe tâm thần, phòng chống tai nạn thương tích cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên y tế trường học và nhân viên liên quan.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Y tế; Sở Văn hóa và Thể thao; Ủy ban nhân dân các phường, xã; các cơ sở giáo dục.	Hằng năm
8	Rà soát, nâng cấp, bổ sung phòng y tế, tủ thuốc, thiết bị y tế thiết yếu, phương tiện sơ cấp cứu và hồ sơ sức khỏe người học tại các cơ sở giáo dục.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Y tế; Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân các phường, xã; các cơ sở giáo dục.	Giai đoạn 2026 - 2030; duy trì đến 2035

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Tiến độ/Thời gian thực hiện
9	Rà soát, cải tạo, nâng cấp điều kiện nước sạch, nước uống, công trình vệ sinh, khu rửa tay, ánh sáng, thông gió, bàn ghế, sân chơi, bãi tập, môi trường học tập an toàn, thân thiện; hoàn thành việc rà soát các điều kiện bảo đảm sức khỏe, an toàn trường học trước ngày 15/8 hằng năm.	Ủy ban nhân dân các phường, xã	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; Sở Tài chính; các cơ sở giáo dục.	Hằng năm
10	Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc cho người học tối thiểu 01 lần/năm học; thông báo, tư vấn, theo dõi sức khỏe người học theo quy định.	Sở Y tế	Sở Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân các phường, xã; các cơ sở giáo dục; cơ sở y tế.	Hằng năm
11	Quản lý, cập nhật hồ sơ sức khỏe điện tử của người học; từng bước liên thông dữ liệu với Sổ sức khỏe điện tử và các cơ sở dữ liệu có liên quan theo quy định.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Y tế; Sở Khoa học và Công nghệ; Ủy ban nhân dân các phường, xã; các cơ sở giáo dục.	Từ năm 2026; duy trì thường xuyên
12	Theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng, thể lực, tầm vóc, sức khỏe tâm thần của người học; hướng dẫn chế độ ăn, vận động, nghỉ ngơi hợp lý; phòng chống thừa cân, béo phì, suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Y tế; Sở Văn hóa và Thể thao; Ủy ban nhân dân các phường, xã; các cơ sở giáo dục.	Hằng năm

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Tiến độ/Thời gian thực hiện
13	Hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm an toàn thực phẩm, dinh dưỡng hợp lý, công khai, minh bạch; thực hiện kiểm thực ba bước, lưu mẫu thức ăn, truy xuất nguồn gốc thực phẩm; hướng dẫn thực đơn mẫu, khẩu phần tham khảo đối với nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục và cơ sở giáo dục có quy mô nhỏ.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Y tế; Ủy ban nhân dân các phường, xã; các cơ sở giáo dục; các đơn vị cung cấp thực phẩm, suất ăn.	Hàng năm
14	Tăng cường kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm, nước uống, vệ sinh trường học, điều kiện bếp ăn, nhà ăn, kho bảo quản thực phẩm, đơn vị cung cấp thực phẩm, suất ăn cho cơ sở giáo dục.	Sở Y tế	Sở Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân các phường, xã; các đơn vị liên quan.	Hàng năm; tăng cường theo chuyên đề
15	Triển khai truyền thông, giáo dục sức khỏe học đường về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, dinh dưỡng hợp lý, hoạt động thể lực, phòng chống dịch bệnh, sức khỏe tâm thần, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống thuốc lá, thuốc lá điện tử, rượu bia, chất gây nghiện, phòng chống tự gây hại, bạo lực, bắt nạt học đường và trên môi trường mạng.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Y tế; Sở Văn hóa và Thể thao; Ủy ban nhân dân các phường, xã; các tổ chức chính trị - xã hội; các cơ sở giáo dục.	Hàng năm
16	Tăng cường công tác tư vấn tâm lý, công tác xã hội trường học; phát hiện sớm, hỗ trợ, can thiệp đối với người học có biểu hiện căng thẳng, lo âu, trầm cảm, bạo lực học đường, xâm hại, nghiện trò chơi điện tử, thuốc lá điện tử, chất gây nghiện và các hành vi nguy cơ khác.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Y tế; Công an Thành phố; Ủy ban nhân dân các phường, xã; các cơ sở giáo dục.	Hàng năm

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Tiến độ/Thời gian thực hiện
17	Tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất, thể dục, thể thao trường học; phát triển phong trào rèn luyện thân thể, nâng cao thể lực, tầm vóc người học; phòng chống đuối nước, tai nạn thương tích trong hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí.	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân các phường, xã; các cơ sở giáo dục.	Hàng năm
18	Đánh giá, sơ kết mô hình điểm; lựa chọn mô hình hiệu quả để nhân rộng trên địa bàn Thành phố.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Y tế; Sở Văn hóa và Thể thao; Ủy ban nhân dân các phường, xã; các cơ sở giáo dục.	Giai đoạn 2028 - 2030; nhân rộng đến 2035
19	Số hóa tài liệu truyền thông, giáo dục sức khỏe học đường; hình thành kho học liệu dùng chung về chăm sóc sức khỏe người học, dinh dưỡng, hoạt động thể lực, sức khỏe tâm thần, phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Y tế; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Văn hóa và Thể thao; các cơ sở giáo dục.	Giai đoạn 2027 - 2028; cập nhật hàng năm
20	Triển khai ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, công cụ phân tích dữ liệu, cảnh báo nguy cơ về sức khỏe học đường, dinh dưỡng, thể lực, sức khỏe tâm thần, bệnh học đường, dịch bệnh, an toàn thực phẩm; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu, an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu cá nhân theo quy định.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Y tế; Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân các phường, xã; các đơn vị liên quan.	Giai đoạn 2026 - 2030; duy trì đến 2035

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Tiến độ/Thời gian thực hiện
21	Thiết lập, công khai hoặc lồng ghép với kênh tiếp nhận phản ánh hiện có của địa phương để tiếp nhận, xử lý thông tin, kiến nghị của cha mẹ học sinh, cha mẹ trẻ em, người giám hộ và Nhân dân về chất lượng bữa ăn học đường, an toàn thực phẩm, nước uống, vệ sinh trường học và các điều kiện bảo đảm sức khỏe người học.	Ủy ban nhân dân các phường, xã	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; các cơ sở giáo dục; các đơn vị liên quan.	Hàng năm
22	Huy động nguồn lực xã hội hợp pháp để hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị, truyền thông, khám sàng lọc, tư vấn sức khỏe, dinh dưỡng, thể lực, sức khỏe tâm thần cho người học; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định.	Ủy ban nhân dân các phường, xã	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; Sở Tài chính; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; các tổ chức chính trị - xã hội; các cơ sở giáo dục.	Hàng năm
23	Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường; kịp thời chấn chỉnh, xử lý các tồn tại, hạn chế, vi phạm trong quá trình thực hiện.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Y tế; Sở Tài chính; Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Khoa học và Công nghệ; Ủy ban nhân dân các phường, xã.	Hàng năm; kiểm tra chuyên đề khi cần thiết
24	Tổ chức sơ kết việc thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030; đề xuất nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2031 - 2035.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành Thành phố; Ủy ban nhân dân các phường, xã; các cơ sở giáo dục.	Năm 2030
25	Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Giáo dục và Đào tạo kết quả thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường trên địa bàn Thành phố; tổ chức tổng kết Chương trình vào năm 2035.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Y tế; Sở Tài chính; Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân các phường, xã.	Báo cáo hàng năm; tổng kết năm 2035